TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 19-9-2017
V/v: " tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu
Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Nguyên Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà : Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXX - ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Kim T; sinh năm 1988 *(có mặt tại phiên tòa)*.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M; sinh năm 1978 *(có mặt tại phiên tòa)*
Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hà Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước và đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94 ngày 02/12/2005. Thời gian đầu chị T và anh M chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M ghen tuông vô cớ, thường xuyên nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đập phá đồ đạc trong nhà, xô xát lẫn nhau, anh M có những lời lẽ xúc phạm chị T và gia đình chị T. Chị T đã có sự khuyên nhủ anh M nhưng anh M không nghe mà nghe người ngoài tác động

càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn; anh M sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi chơi, nhậu. Đặc biệt trong năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt hơn xảy ra cãi vã nhiều hơn, anh M có những lời lẽ xúc phạm nặng nề hơn, ảnh hưởng đến con cái, gia đình, cách giáo dục con cũng không thống nhất. Không thể tiếp tục chung sống nên chị T và anh M đã sống ly thân từ tháng 11/2016 liên tục đến nay, kinh tế độc lập không ai quan tâm, chăm sóc gì đến ai. Nay, chị T không còn tình cảm với anh M, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung, họ tên các cháu là Nguyễn Quốc D, sinh ngày 08/02/2007, hiện nay cháu D đang chung sống với anh M. Cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/6/2010, hiện nay cháu H đang chung sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H, anh M nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị T cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao lục kết hôn của UBND xã Đ ngày 08/9/2017; bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Quốc D; bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Thu H. Ngoài ra, chị T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

** Bị anh Nguyễn Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh M thừa nhận thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ như chị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn gia đình anh M cho rằng xảy ra vào năm 2016, nguyên nhân chị T có quan hệ ngoại tình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, đập phá đồ đạc trong nhà; gia đình cha mẹ chị T can thiệp và gây áp lực, do tự ái nên anh M đã sống ly thân từ tháng 11/2016 liên tục đến nay. Anh M thừa nhận trong thời gian sống ly thân kinh tế độc lập, không có sự thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, anh M và chị T có làm việc chung tại nông trường cao su, tuy nhiên cũng chỉ gặp nhau trong công việc, không đề cập vấn đề khắc phục mâu thuẫn. Nay do các con của anh, chị còn nhỏ nên anh M có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung như chị T trình bày là đúng, trường hợp anh và chị T ly hôn thì anh M đồng ý như yêu cầu của chị T; cụ thể anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D, chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh M không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của cháu Nguyễn Quốc D và cháu Nguyễn Thị Thu H vào ngày 16/8/2017, có

nội dung cháu D có nguyện vọng được chung sống với bố, cháu H có nguyện vọng được chung sống với mẹ, khi bố và mẹ không còn chung sống với nhau.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 80, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; về con chung giao cháu D sinh ngày 08/02/2007 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu H sinh ngày 11/6/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Kim T và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đối chiếu với giấy chứng nhận kết hôn do chị T giao nộp hợp pháp tại Tòa án, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Kim T và anh Nguyễn Văn M là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Chị T và anh M đều thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, từ đó anh M và chị T thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau, có những lời lẽ xúc phạm nhau. Không thể tiếp tục chung sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 liên tục đến nay, trong quá trình sống ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc tới ai, kinh tế độc lập. Phía anh M có nguyện vọng muốn đoàn tụ gia đình nhưng bản thân anh không có sự cố gắng nỗ lực khắc phục mâu thuẫn, đặc biệt trong thời gian sống ly thân, anh chị đều làm việc chung tại Nông trường cao su có nhiều cơ hội gặp nhau, giúp đỡ, quam tâm, chăm sóc nhau; tuy nhiên anh M không thể hiện thiện chí, mong muốn của mình mà lại sống bỏ mặc, cùng với thời gian kéo dài tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Như vậy, anh M và chị T đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữ anh M và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh M có 02 con chung, là cháu Nguyễn Quốc D sinh ngày 08/02/2007, hiện nay cháu đang chung sống với anh M. Cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/6/2010, hiện nay cháu đang chung sống với chị T. Qua nguyện vọng của các cháu và ý kiến của anh M, chị T; xét về điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập anh M và chị T đều là công nhân, có mức thu nhập khá ổn định, đều có khả năng nuôi dưỡng các cháu. Để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt bình thường như hiện nay và đặc biệt là cháu H là con gái, để cháu có điều kiện phát triển tốt hơn về tâm sinh lý giới tính nên giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối chiếu với các Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận nguyện vọng của các cháu và ý kiến của chị T, anh M.

Về trợ cấp nuôi con: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Hà Thị Kim T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Hà Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

[2]. Về con chung: Chấp nhận ý kiến của anh M, chị T: Giao cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 08/02/2007 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/6/2010 cho chị Hà Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra.

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị Kim T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 000429 ngày 07/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.B;
- Chi cục THADS H. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lưu Thùy Linh